

ĐẠI HỌC HUẾ
TRƯỜNG ĐẠI HỌC LUẬT



PHẠM NGỌC HÒA

**BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI
VỚI NHÃN HIỆU BẰNG BIỆN PHÁP DÂN SỰ**

Chuyên ngành: Luật Kinh tế

Mã số: 838 01 07

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ LUẬT HỌC

THỪA THIÊN HUẾ, năm 2019

Công trình được hoàn thành tại:

Trường Đại học Luật, Đại học Huế

Người hướng dẫn khoa học: PGS.TS VŨ THỊ HẢI YẾN

Phản biện 1:

Phản biện 2:

Luận văn sẽ được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn thạc sĩ họp
tại: Trường Đại học Luật

Vào lúc.....giờ.....ngày.....tháng năm.....

MỤC LỤC

LỜI NÓI ĐẦU	1
1. Tính cấp thiết của đề tài	1
2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài.....	1
3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu.....	1
4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu	2
5. Những đóng góp mới của lĩnh vực bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự.....	2
6. Mục đích của đề tài	2
7. Kết cấu của đề tài	3
Chương 1. MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP VỚI NHÃN HIỆU BẰNG BIỆN PHÁP DÂN SỰ	3
1.1 Lý luận về nhãn hiệu và quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu	3
1.1.1 Khái quát chung về nhãn hiệu.....	3
1.1.1.1 Khái niệm nhãn hiệu	3
1.1.1.2 Phân loại nhãn hiệu	4
1.1.1.3 Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu	4
1.1.1.4 Căn cứ xác lập quyền và thời hạn bảo hộ nhãn hiệu	4
1.1.2 Quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu	5
1.1.2.1 Khái niệm quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu	5
1.1.2.2 Nội dung quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu	5
1.2 Khái quát về bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp và bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự	5
1.2.1 Khái quát về bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu	5
1.2.1.1 Khái niệm bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu.....	5
1.2.1.2 Các biện pháp bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu	5
1.2.2 Khái quát bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự.....	5
1.2.2.1 Khái niệm, đặc điểm về bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự	5
1.2.2.2 Vai trò, ý nghĩa của bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự.....	6
1.2.2.3 Quy định về bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự trong các điều ước quốc tế	6
Chương 2. THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ TIỀN BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU BẰNG BIỆN PHÁP DÂN SỰ TẠI VIỆT NAM	7

2.1 Phân tích và đánh giá các quy định của pháp luật, thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền SHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự	7
2.1.1 Quy định về hành vi xâm phạm nhãn hiệu	7
2.1.2 Các biện pháp dân sự trong bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu và trong việc xử lý vi phạm nhãn hiệu	7
2.1.3 Thẩm quyền và trình tự xử lý hành vi xâm phạm bằng biện pháp dân sự	8
2.1.4 Đánh giá các quy định pháp luật về Các biện pháp dân sự trong bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu.....	9
2.2 Thực tiễn bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự.....	9
2.2.1 Thực trạng	9
2.2.2 Thực tiễn	10
2.2.1. Một số hạn chế, bất cập và những khó khăn, vướng mắc trong công tác giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án.....	10
Chương 3. ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU TẠI VIỆT NAM.....	13
3.1 Định hướng thực hiện pháp luật.....	13
3.2 Giải pháp hoàn thiện pháp luật:	13
3.2.1 Giải pháp hoàn thiện pháp luật về các quy định về giám định trong sở hữu công nghiệp	13
3.2.2 Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quy định về bồi thường thiệt hại	13
3.2.3 Giải pháp hoàn thiện pháp luật về các quy định về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời	14
3.2.4 Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quy định về thời hạn trong tố tụng dân sự	14
3.3 Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thực thi pháp luật	14
3.3.1 Tăng cường năng lực của cơ quan Tòa án trong giải quyết vụ án dân sự liên quan đến nhãn hiệu, kiện toàn tổ chức của Tòa án	14
3.3.2 Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan thực thi pháp luật với nhau và với chủ sở hữu quyền đối với nhãn hiệu (các nhà sản xuất, kinh doanh)...	15
3.3.3 Tăng cường các hoạt động thông tin về sở hữu trí tuệ, củng cố và nâng cao nhận thức xã hội về sở hữu trí tuệ nói chung và nhãn hiệu nói riêng.....	15
KẾT LUẬN	18
DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO.....	21

LỜI NÓI ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Trong bối cảnh hội nhập kinh tế và cạnh tranh toàn cầu, vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ trở nên đặc biệt quan trọng và trở thành mối quan tâm hàng đầu trong quan hệ kinh tế quốc tế. Từ khi Việt Nam trở thành thành viên chính thức của Tổ chức Thương mại Thế giới (WTO), vấn đề bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ, chống sản xuất, buôn bán hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ ngày càng được quan tâm hơn. Tuy nhiên, thực tế cũng cho thấy, tình trạng xâm phạm sở hữu trí tuệ ở nước ta hiện nay vẫn khá phổ biến và ngày càng phức tạp, trong khi đó các biện pháp phòng ngừa, ngăn chặn, xử lý các hành vi xâm phạm này chưa thực sự phát huy hiệu quả. Các hành vi xâm phạm quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu chủ yếu nhằm vào các nhãn hiệu có uy tín với người tiêu dùng, với mục đích gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng khi lựa chọn hàng hóa, dịch vụ. Điều này không chỉ làm giảm lợi nhuận mà còn làm phương hại đến danh tiếng và hình ảnh doanh nghiệp có nhãn hiệu, ảnh hưởng đến quyền lợi của người tiêu dùng vì thông thường các sản phẩm của người có hành vi xâm phạm đều có chất lượng thấp, thậm chí gây hại đến sức khỏe, tính mạng người tiêu dùng, nếu các sản phẩm xâm phạm là dược phẩm, xi măng, sắt thép, thuốc bảo vệ thực vật v.v...

Nhận thức được tầm quan trọng của việc phòng chống các hành vi xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu trong nền kinh tế thị trường tại Việt Nam hiện nay, em đã lựa chọn đề tài: “***Bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự***” làm đề tài luận văn tốt nghiệp để qua đó phân tích thực trạng bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu ở nước ta hiện nay đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm bảo vệ quyền đối với nhãn hiệu hiệu quả hơn từ đó bảo vệ tốt hơn quyền lợi của chủ sở hữu, lợi ích của người tiêu dùng.

2. Tình hình nghiên cứu liên quan đến đề tài

Trước khi Bộ luật Dân sự năm 1995 ra đời, bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ nói chung và bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu nói riêng vẫn chưa thực sự được quan tâm nhiều ở Việt Nam.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

Đối tượng nghiên cứu: Luận văn tập trung nghiên cứu việc bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự ở Việt Nam giai đoạn hiện nay đặt trong tương quan của quá trình hình thành và phát triển của pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền sở hữu công

nghiệp đối với nhãn hiệu, đồng thời có sự liên hệ, phân tích, đối chiếu, so sánh với quy định tương tự trong pháp luật một số quốc gia cũng như trong các điều ước quốc tế đa phương và song phương.

Phạm vi nghiên cứu: Phạm vi nội dung là pháp luật về bảo vệ sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu cùng các văn bản và ngành luật liên quan; phạm vi về thời gian là từ khi chế định về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ ra đời cho đến nay; phạm vi về không gian: các văn bản Luật liên quan tại Việt Nam và một số văn bản pháp lý quốc tế.

4. Phương pháp luận và phương pháp nghiên cứu

Để thực hiện luận văn, tác giả sử dụng phương pháp nghiên cứu nền tảng là phương pháp luận của chủ nghĩa duy vật biện chứng trên cơ sở kết hợp các phương pháp nghiên cứu đặc trưng của khoa học pháp lý cũng như phương pháp thu thập thông tin, phân tích tài liệu, thống kê, phân tích, tổng hợp, so sánh... Với việc vận dụng các phương pháp nghiên cứu này, luận văn đã có được những thông tin và kết luận chính xác về các vấn đề nghiên cứu.

5. Những đóng góp mới của lĩnh vực bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự

Theo thông lệ quốc tế cũng như hoạt động thực thi pháp luật nhiều quốc gia, trong đó có những quốc gia mạnh về sở hữu trí tuệ thì biện pháp dân sự được áp dụng phổ biến để bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu, điều này còn phù hợp với bản chất của quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu là một quyền dân sự.

Ý nghĩa về mặt xã hội, phân tích của luận văn đã cung cấp cho người dân nói chung cũng như chủ thể quyền những hiểu biết sâu hơn về biện pháp dân sự và ưu điểm khi áp dụng việc bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu của mình bằng biện pháp dân sự.

Ý nghĩa đối với công tác thực thi pháp luật. Luận văn đã chỉ ra một số hạn chế của cơ quan thực thi bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự trong thực tiễn thi hành, từ đó đề ra kiến nghị nhằm góp phần nâng cao hiệu quả công tác này.

6. Mục đích của đề tài

Quyền SHCN đối với nhãn hiệu là một quyền tài sản của chủ sở hữu nhãn hiệu và quyền này mang bản chất của một quyền dân sự. Do đó, việc áp dụng biện pháp dân sự được coi là phù hợp và là biện pháp chủ đạo trong việc bảo vệ quyền SHCN đối với nhãn hiệu. Biện pháp dân sự trong xử lý vi phạm quyền sở hữu trí tuệ đối với nhãn hiệu là các biện pháp cưỡng chế của Nhà nước do Tòa án áp dụng đối với cá nhân, tổ chức có hành vi vi phạm quy định pháp luật dân sự về Sở hữu công

nghiệp gây tổn hại cho các cá nhân, tổ chức khác.

7. Kết cấu của đề tài

Ngoài phần mở đầu, kết luận và danh mục tài liệu tham khảo, nội dung của luận văn gồm 3 chương:

Chương 1: Những vấn đề lý luận về bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự.

Chương 2: Thực trạng pháp luật và thực tiễn bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự tại Việt Nam.

Chương 3: Giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự tại Việt Nam.

Chương 1

MỘT SỐ VẤN ĐỀ LÝ LUẬN VỀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP VỚI NHÃN HIỆU BẰNG BIỆN PHÁP DÂN SỰ

1.1 Lý luận về nhãn hiệu và quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

1.1.1 Khái quát chung về nhãn hiệu

1.1.1.1 Khái niệm nhãn hiệu

Thứ nhất, đó phải là một dấu hiệu hoặc tổ hợp các dấu hiệu. Các dấu hiệu đó có thể là các từ, kể cả tên riêng, các chữ cái, chữ số, các yếu tố hình học và tổ hợp các màu sắc cũng như tổ hợp bất kỳ của các dấu hiệu đó.

Thứ hai, các dấu hiệu đó có thể là dấu hiệu nhìn thấy được, cũng có thể là bất kỳ dấu hiệu nào có khả năng được đăng ký là nhãn hiệu. Thứ ba, các dấu hiệu đó phải có khả năng phân biệt hàng hoá hoặc dịch vụ của một doanh nghiệp này với hàng hoá hoặc dịch vụ của một doanh nghiệp khác.

Bất kỳ dấu hiệu nào có khả năng phân biệt hàng hoá, dịch vụ của các chủ thể khác nhau không thuộc các trường hợp bị từ chối đăng ký đều có thể trở thành nhãn hiệu¹.

Tuy nhiên, quy định về nhãn hiệu hàng hóa và dịch vụ theo các quy phạm pháp luật của Việt Nam là vậy nhưng trên thực tế vẫn có nhiều người có sự nhầm lẫn, không hiểu một cách chính xác về khái niệm nhãn hiệu với một số khái niệm khác như: Nhãn hàng hóa hoặc

¹ Nguồn: Theo Xây dựng khái niệm nhãn hiệu trong luật sở hữu trí tuệ, tác giả: Đào Thị Diễm Hạnh - Trường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát - Viện kiểm sát nhân dân tối cao).

thương hiệu.

1.1.1.2 Phân loại nhãn hiệu

- Căn cứ vào dấu hiệu được sử dụng làm Nhãn hiệu thì có ba loại nhãn hiệu: nhãn hiệu chữ, nhãn hiệu hình và nhãn hiệu kết hợp.

- + Nhãn hiệu chữ
- + Nhãn hiệu kết hợp
- + Nhãn hiệu hàng hóa
- + Nhãn hiệu dịch vụ
- + Nhãn hiệu tập thể
- + Nhãn hiệu chứng nhận
- + Nhãn hiệu liên kết

1.1.1.3 Điều kiện bảo hộ nhãn hiệu

Theo quy định tại Điều 72 Luật SHTT² thì nhãn hiệu được bảo hộ nếu đáp ứng các điều kiện sau:

Là dấu hiệu nhìn thấy được dưới dạng chữ cái, từ ngữ, hình vẽ, hình ảnh, kể cả hình ba chiều hoặc sự kết hợp các yếu tố đó, được thể hiện bằng một hoặc nhiều màu sắc;

Có khả năng phân biệt hàng hóa, dịch vụ của chủ sở hữu nhãn hiệu với hàng hóa, dịch vụ của chủ thể khác.

Dấu hiệu trùng hoặc tương tự với tên thương mại đang được sử dụng của người khác, nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể gây nhầm lẫn cho người tiêu dùng về nguồn gốc hàng hoá, dịch vụ;

Dấu hiệu trùng hoặc tương tự với chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ nếu việc sử dụng dấu hiệu đó có thể làm cho người tiêu dùng hiểu sai lệch về nguồn gốc địa lý của hàng hoá;

Dấu hiệu trùng với chỉ dẫn địa lý hoặc có chứa chỉ dẫn địa lý hoặc được dịch nghĩa, phiên âm từ chỉ dẫn địa lý đang được bảo hộ cho rượu vang, rượu mạnh nếu dấu hiệu được đăng ký để sử dụng cho rượu vang, rượu mạnh không có nguồn gốc xuất xứ từ khu vực địa lý mang chỉ dẫn địa lý đó;

Các dấu hiệu không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu. Điều 73 Luật SHTT³ quy định các dấu hiệu sau đây không được bảo hộ với danh nghĩa nhãn hiệu:

1.1.1.4 Căn cứ xác lập quyền và thời hạn bảo hộ nhãn hiệu

- *Thứ nhất:* quyết định cấp văn bằng bảo hộ (Giấy chứng nhận đăng ký bảo hộ nhãn hiệu) của Cục sở hữu trí tuệ. Trong trường hợp này, việc chứng minh nhãn hiệu đang được bảo hộ tại Việt Nam sẽ

² Điều 72 Luật SHTT

³ Điều 73 Luật SHTT

dựa trên Giấy chứng nhận đăng ký nhãn hiệu do Cục sở hữu trí tuệ cấp.

- *Thứ hai:* quyết định công nhận bảo hộ nhãn hiệu đăng ký quốc tế tại Việt Nam (do Cục sở hữu trí tuệ ban hành và chỉ áp dụng với các chủ thể nước ngoài đăng ký bảo hộ nhãn hiệu tại Việt Nam thông qua hệ thống Madrid về đăng ký quốc tế nhãn hiệu).

- *Thứ ba:* trên cơ sở sử dụng đối với nhãn hiệu nổi tiếng, pháp luật sở hữu trí tuệ quy định quyền đối với nhãn hiệu nổi tiếng được xác lập trên cơ sở sử dụng chứ không phải trên cơ sở đăng ký, một nhãn hiệu được coi là nổi tiếng thì mặc dù không đăng ký nhưng chủ sở hữu vẫn có quyền chống lại người khác thực hiện các hành vi bị coi là xâm phạm quyền.

1.1.2 Quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

1.1.2.1 Khái niệm quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

- Nghĩa khách quan

- Nghĩa chủ quan

1.1.2.2 Nội dung quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

a) Quyền sử dụng nhãn hiệu

b) Quyền ngăn cấm người khác sử dụng đối tượng sở hữu công nghiệp

c) Quyền định đoạt đối với nhãn hiệu

1.2 Khái quát về bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp và bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự

1.2.1 Khái quát về bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

1.2.1.1 Khái niệm bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu là sự tác động bằng pháp luật thông qua việc sử dụng các biện pháp dân sự, biện pháp hành chính, biện pháp hình sự, biện pháp kiểm soát hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu qua biên giới liên quan đến nhãn hiệu nhằm ngăn chặn, chống lại những hành vi xâm phạm để bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu hợp pháp đã được Nhà nước công nhận bảo hộ.

1.2.1.2 Các biện pháp bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

a) Biện pháp hành chính

b) Biện pháp hình sự

c) Biện pháp dân sự

d) Biện pháp kiểm soát biên giới

1.2.2 Khái quát bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự

1.2.2.1 Khái niệm, đặc điểm về bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp

đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự

Khái niệm:

Trong Luận án Tiến sĩ của NCS Nguyễn Thanh Tâm về đề tài “Quyền sở hữu công nghiệp dưới góc độ thương mại – Những vấn đề lý luận và thực tiễn” thì cô có định nghĩa rằng: “*Bảo hộ QSHCN được hiểu là việc nhà nước, bằng những quy định của pháp luật, xác lập QSHCN, xác định những hành vi bị coi là xâm phạm QSHCN và quy định những biện pháp xử lý những hành vi vi phạm đó.*”

Đặc trưng của bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự

Biện pháp dân sự là biện pháp xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo thủ tục tố tụng dân sự trên cơ sở yêu cầu của chủ thể quyền sở hữu trí tuệ hoặc tổ chức, cá nhân bị thiệt hại do hành vi xâm phạm gây ra, kể cả khi hành vi đó đang bị xử lý bằng hiện pháp hành chính hoặc hiện pháp hình sự.

1.2.2.2 Vai trò, ý nghĩa của bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự

Quyền sở hữu trí tuệ nói chung và quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu nói riêng thực chất là một quyền tài sản và là một quyền dân sự; xuất phát từ chính bản chất này nên áp dụng biện pháp dân sự để xử lý các hành vi xâm phạm quyền sở hữu đối với nhãn hiệu là hợp lý nhất, phù hợp với cả thông lệ quốc tế cũng như pháp luật của một số quốc gia trên thế giới.

Hơn nữa, khi xem xét những đặc trưng của mỗi biện pháp bảo vệ quyền SHCN đối với nhãn hiệu như đã phân tích ở trên, bao gồm: Biện pháp hành chính, biện pháp hình sự, biện pháp dân sự, biện pháp kiểm soát biên giới, có thể thấy những biện pháp này giúp cho việc hạn chế các hành vi vi phạm về nhãn hiệu được hiệu quả hơn.

Xét về khả năng áp dụng, bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự có khả năng áp dụng rộng hơn so với các biện pháp còn lại.

1.2.2.3 Quy định về bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự trong các điều ước quốc tế

- Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp năm 1883
- Các quy định của Công ước Paris đề cập đến 4 vấn đề lớn:
- Hiệp định về các khía cạnh liên quan tới thương mại của quyền sở hữu trí tuệ (Hiệp định TRIPS năm 1994)
- Hiệp định thương mại Việt Nam - Hoa kỳ năm 2000

Chương 2

THỰC TRẠNG PHÁP LUẬT VÀ TIỀN BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU BẰNG BIỆN PHÁP DÂN SỰ TẠI VIỆT NAM

2.1 Phân tích và đánh giá các quy định của pháp luật, thực trạng pháp luật Việt Nam về bảo vệ quyền SHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự

2.1.1 Quy định về hành vi xâm phạm nhãn hiệu

- *Thứ nhất*: yếu tố xâm phạm đối với nhãn hiệu
- *Thứ hai*: căn cứ để xem xét yếu tố xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu
- *Thứ ba*: điều kiện xác định yếu tố xâm phạm
- *Thứ tư*: dấu hiệu bị nghi ngờ bị coi là yếu tố xâm phạm đối với nhãn hiệu nổi tiếng

2.1.2 Các biện pháp dân sự trong bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu và trong việc xử lý vi phạm nhãn hiệu

- Nếu tranh chấp SHTT thuần túy là tranh chấp dân sự thuộc thẩm quyền của Tòa án cấp huyện;
- Nếu tranh chấp SHTT thuần túy là tranh chấp dân sự nhưng có đương sự hoặc đối tượng SHTT ở nước ngoài, thuộc Tòa án cấp tỉnh;
- Nếu tranh chấp SHTT giữa các cá nhân, tổ chức với nhau về để có mục đích lợi nhuận được coi là tranh chấp thương mại, kinh doanh, thuộc Tòa án cấp tỉnh.

Các biện pháp dân sự được áp dụng đối với người có hành vi vi phạm quyền sở hữu nhãn hiệu là:

- Buộc người có hành vi xâm phạm phải chấm dứt hành vi xâm phạm;
- Buộc người có hành vi xâm phạm phải bồi thường thiệt hại, phải thực hiện nghĩa vụ dân sự, phải xin lỗi, cải chính công khai;
- Buộc tiêu hủy hoặc phân phối hoặc đưa vào sử dụng không nhằm mục đích thương mại đối với hàng hóa, nguyên liệu, vật liệu và phương tiện được sử dụng trong sản xuất, kinh doanh hàng hóa xâm phạm quyền sở hữu nhãn hiệu với điều kiện không làm ảnh hưởng đến khả năng khai thác quyền của các chủ thể nhãn hiệu.

+ **Biện pháp buộc xin lỗi, cải chính công khai** là một trong những biện pháp dân sự có tác dụng khôi phục lại uy tín danh tiếng của chủ sở hữu nhãn hiệu khi có hành vi xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu gây ra. Khi một hành vi xâm phạm nhãn hiệu diễn ra, chủ sở hữu nhãn

hiệu là người đầu tiên phải gánh chịu những hậu quả phát sinh từ hành vi xâm phạm đó.

Thứ nhất, có thiệt hại xảy ra

Thứ hai, có hành vi trái pháp luật gây thiệt hại

Thứ ba, có mối quan hệ nhân quả giữa hành vi trái pháp luật và thiệt hại xảy ra.

Thứ tư, có lỗi của người gây thiệt hại: Lỗi của người có hành vi xâm phạm quyền SHTT có thể là lỗi cố ý hoặc lỗi vô ý.

Căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại vật chất do xâm phạm quyền đối với nhãn hiệu

(i) *Các tổn thất về tài sản*

(ii) *Giảm sút về thu nhập, lợi nhuận*

(iii) *Tổn thất về cơ hội kinh doanh*

(iv) *Chi phí hợp lý để ngăn chặn, khắc phục thiệt hại*

Vấn đề bồi thường tổn thất về tinh thần

Quy định về chi phí thuê luật sư

Vấn đề thu thập chứng cứ

2.1.3 Thẩm quyền và trình tự xử lý hành vi xâm phạm bằng biện pháp dân sự

Tòa án nhân dân cấp huyện có thẩm quyền giải quyết theo thủ tục sơ thẩm những tranh chấp dân sự về quyền sở hữu trí tuệ¹⁵ như sau:

- Tranh chấp dân sự về quyền sở hữu trí tuệ mà có đương sự hoặc tài sản ở nước ngoài hoặc cần phải ủy thác tư pháp cho cơ quan lãnh sự của Việt Nam ở nước ngoài cho Tòa án nước ngoài¹⁶;

- Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ giữa cá nhân, tổ chức với nhau và đều có mục đích lợi nhuận¹⁷;

- Tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân cấp huyện mà Tòa án nhân dân cấp tỉnh lấy lên để giải quyết¹⁸.

Trình tự xử lý

Theo Khoản 2 Điều 30 và Khoản 1 Điều 37 Bộ luật tố tụng dân sự 2015, tranh chấp xảy ra trong quá trình khai thác và sử dụng đối tượng SHTT vì mục đích lợi nhuận là tranh chấp về kinh doanh thương mại thuộc thẩm quyền giải quyết sơ thẩm tại tòa án nhân dân cấp tỉnh. Kháng cáo bản án sơ thẩm đối với tranh chấp quyền SHTT được giải quyết theo trình tự chung dành cho các kháng cáo các bản án dân sự tại Tòa án nhân dân cấp cao.

Về quy định, khi khởi kiện vụ án dân sự, chủ sở hữu đối tượng SHTT có quyền yêu cầu Tòa án có thẩm quyền buộc bị đơn chấm dứt

hành vi vi phạm; xin lỗi cải chính công khai; tiêu hủy hàng hóa phương tiện vi phạm và bồi thường thiệt hại vật chất và tinh thần theo mức độ mà họ có thể chứng minh được..

Thực tế trên dẫn đến hệ quả là chủ thể quyền không chủ động bảo vệ quyền dân sự bằng biện pháp dân sự, và theo hướng ngược lại cơ chế dân sự có rất ít tác dụng để giải quyết tranh chấp xảy ra trong quá trình sử dụng đối tượng SHTT.

2.1.4 Đánh giá các quy định pháp luật về Các biện pháp dân sự trong bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu

Thứ nhất, đây là phương thức mang tính thực tế rất lớn. Tính thực tế này xuất phát từ chỗ những hành vi xâm phạm đến quyền sở hữu thông thường nảy sinh trong đời sống xã hội, xâm phạm tới các quyền tài sản của các chủ thể và do vậy chủ yếu thuộc sự điều chỉnh của pháp luật dân sự.

Thứ hai, biện pháp dân sự mà cụ thể là phương thức kiện dân sự được áp dụng một cách rộng rãi hơn các biện pháp khác. Thông thường biện pháp bảo vệ quyền sở hữu trong ngành luật hình sự chỉ áp dụng khi hành vi xâm phạm đó được cấu thành tội phạm theo quy định trong Bộ luật hình sự (BLHS).

Thứ ba, biện pháp dân sự tạo điều kiện rất thuận lợi và dễ dàng cho mọi chủ thể có quyền sở hữu bị xâm phạm tự mình chủ động thực hiện phương thức này.

Hạn chế của biện pháp này đó là tốn kém thời gian, chi phí vì thủ tục phức tạp và chủ sở hữu quyền sở hữu trí tuệ có thể sẽ gặp rất nhiều khó khăn trong việc chứng minh.

2.2 Thực tiễn bảo vệ quyền Sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự

2.2.1 Thực trạng

Xâm phạm quyền SHTT tại Việt Nam hiện nay đã và đang trở thành vấn đề bức xúc của toàn xã hội. Chỉ tính riêng trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp (SHCN), thời gian gần đây, xâm phạm quyền SHCN vẫn gia tăng và diễn biến phức tạp, các hành vi xâm phạm quyền SHCN diễn ra ở hầu hết các đối tượng SHCN như sáng chế, kiểu dáng công nghiệp, nhãn hiệu, chỉ dẫn địa lý, tên thương mại, cạnh tranh không lành mạnh.⁴

Từ đó có thể thấy rằng, việc xâm phạm quyền SHCN đối với nhãn hiệu thông qua việc làm hàng giả, hàng nhái nhãn hiệu đang càng ngày

⁴ Theo Số liệu thống kê của Cục sở hữu trí tuệ.

càng trở nên phổ biến, hầu như mọi sản phẩm hàng hóa đều có hàng giả, hàng nhái, hàng có chứa yếu tố vi phạm SHCN.

Nguyên nhân:

Thứ nhất, giải quyết các tranh chấp quyền SHCN là vấn đề khó, nhiều vụ việc đòi hỏi có kỹ thuật chuyên môn sâu, nhiều vụ việc liên quan đến bên thứ 3, có các yếu tố nước ngoài, nên quá trình cung cấp tài liệu, chứng cứ giữa các bên thường mất nhiều thời gian, dẫn đến việc giải quyết thường bị kéo dài, có trường hợp phải xét xử nhiều lần, qua nhiều cấp, gây tốn kém thời gian, tiền bạc của đương sự và của nhà nước.

Thứ hai, trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án thường phải trung cầu ý kiến của các cơ quan quản lý nhà nước về SHTT và các cơ quan chức năng có liên quan để kết luận đối với hành vi xâm phạm, nên dẫn đến tình trạng Tòa án rất bị động, khó khăn cho việc ra phán quyết.

Thứ ba, tâm lý ngại ra Tòa của chính các chủ thể quyền, bởi lẽ, quyền SHCN thường được gắn tới hoạt động sản xuất, kinh doanh, các chủ thể cũng rất chú trọng tới việc bảo vệ bí mật kinh doanh và bí mật của các đối tượng của QSHCN, nếu đưa tranh chấp ra trước tòa đồng nghĩa với việc phải công khai những vấn đề liên quan mà đương sự không muốn.

Thứ tư, việc xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền SHCN là một khó khăn cho chủ thể quyền trước Tòa án. Theo quy định của tố tụng dân sự, một nguyên tắc rất quan trọng là nguyên đơn phải có nghĩa vụ chứng minh trước Tòa án về mức độ thiệt hại thực tế do hành vi xâm phạm QSHCN do bên kia gây ra.

Thứ năm, một số nguyên nhân khác là: chi phí cho hoạt động tư pháp thường rất tốn kém do phải thuê luật sư, bảo đảm các chi phí cho luật sư hoạt động.

2.2.2 Thực tiễn

+ Áp dụng biện pháp công nghệ nhằm ngăn ngừa hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ;

+ Yêu cầu tổ chức, cá nhân có hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ phải chấm dứt hành vi xâm phạm, xin lỗi, cải chính công khai, bồi thường thiệt hại;

+ Yêu cầu cơ quan nhà nước có thẩm quyền xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ theo quy định của Luật này và các quy định khác của pháp luật có liên quan;

+ Khởi kiện ra tòa án hoặc trọng tài để bảo vệ quyền, lợi ích hợp pháp của mình.

2.2.1. Một số hạn chế, bất cập và những khó khăn, vướng mắc

trong công tác giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án

1. Thời gian giải quyết kéo dài

Theo quy định tại Điều 203⁵ của BLTTDS, thời hạn chuẩn bị xét xử sơ thẩm đối với vụ án dân sự là 4 tháng, đối với các vụ án kinh doanh - thương mại là 2 tháng, kể từ ngày Tòa án thụ lý vụ án; đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do trở ngại khách quan thì có thể gia hạn nhưng không quá 2 tháng đối với vụ án dân sự và 1 tháng đối với vụ án kinh doanh thương mại.

Có thể nói, thời gian giải quyết kéo dài là một trong những nguyên nhân cơ bản dẫn đến việc các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ e ngại trong việc khởi kiện yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền và lợi ích của mình trước các hành vi xâm phạm.

2. Thiếu các biện pháp khẩn cấp tạm thời hữu hiệu đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ

Các biện pháp khẩn cấp tạm thời được quy định tại Điều 102 của Bộ luật tố tụng dân sự, gồm có 12 biện pháp sau đây:

“1. Giao người chưa thành niên cho cá nhân hoặc tổ chức trông nom, nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục.

2. Buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ cấp dưỡng.

3. Buộc thực hiện trước một phần nghĩa vụ bồi thường thiệt hại do tính mạng, sức khoẻ bị xâm phạm.

4. Buộc người sử dụng lao động tạm ứng tiền lương, tiền công, tiền bồi thường, trợ cấp tai nạn lao động hoặc bệnh nghề nghiệp cho người lao động.

5. Tạm đình chỉ việc thi hành quyết định sa thải người lao động.

6. Kê biên tài sản đang tranh chấp.

7. Cấm chuyển dịch quyền về tài sản đối với tài sản đang tranh chấp.

8. Cấm thay đổi hiện trạng tài sản đang tranh chấp.

9. Cho thu hoạch, cho bán hoa màu hoặc sản phẩm, hàng hoá khác.

⁵ Điều 203. Thời hạn chuẩn bị xét xử

1. Thời hạn chuẩn bị xét xử các loại vụ án, trừ các vụ án được xét xử theo thủ tục rút gọn hoặc vụ án có yếu tố nước ngoài, được quy định như sau:

a) Đối với các vụ án quy định tại Điều 26 và Điều 28 của Bộ luật này thì thời hạn là 04 tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án;

b) Đối với các vụ án quy định tại Điều 30 và Điều 32 của Bộ luật này thì thời hạn là 02 tháng, kể từ ngày thụ lý vụ án.

Đối với vụ án có tính chất phức tạp hoặc do sự kiện bất khả kháng, trở ngại khách quan thì Chánh án Tòa án có thể quyết định gia hạn thời hạn chuẩn bị xét xử nhưng không quá 02 tháng đối với vụ án thuộc trường hợp quy định tại điểm a khoản này và không quá 01 tháng đối với vụ án thuộc trường hợp quy định tại điểm b khoản này.

Trường hợp có quyết định tạm đình chỉ việc giải quyết vụ án thì thời hạn chuẩn bị xét xử được tính lại kể từ ngày quyết định tiếp tục giải quyết vụ án của Tòa án có hiệu lực pháp luật.

10. Phong toả tài khoản tại ngân hàng, tổ chức tín dụng khác, kho bạc nhà nước; phong toả tài sản ở nơi gửi giữ.

11. Phong toả tài sản của người có nghĩa vụ.

12. Cấm hoặc buộc đương sự thực hiện hành vi nhất định”.

Như vậy, với thời gian giải quyết kéo dài cộng với việc các hành vi xâm phạm chưa được ngăn chặn một cách kịp thời có thể là nguyên nhân dẫn đến việc các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ e ngại việc khởi kiện ra Tòa án để xử lý bằng biện pháp dân sự mà thay vào đó, họ chọn việc xử lý hành vi xâm phạm bằng biện pháp hành chính.

3. Năng lực giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ chưa đáp ứng được yêu cầu

Pháp luật về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ là lĩnh vực pháp luật còn tương đối mới mẻ ở Việt Nam.

Vì vậy, trong việc giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ thì kết quả trưng cầu giám định hoặc kết luận các yếu tố vi phạm của cơ quan có thẩm quyền về việc có hay không có hành vi xâm phạm quyền quyền sở hữu trí tuệ có giá trị quan trọng để Tòa án dùng làm căn cứ giải quyết các vụ án về sở hữu trí tuệ được chính xác, đúng pháp luật, bảo đảm quyền lợi hợp pháp của các bên đương sự.

Bên cạnh đó, việc nhìn nhận, đánh giá về các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ của các cơ quan chức năng nhiều khi không thống nhất được quan điểm.

4. Khó khăn trong việc xác định thiệt hại do hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ gây ra

Trước khi Luật sở hữu trí tuệ được ban hành, hầu như không có văn bản nào quy định về các căn cứ pháp lý để xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ.

Luật Sở hữu trí tuệ được ban hành đã bổ sung các quy định quan trọng về nguyên tắc xác định thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (Điều 204) và căn cứ xác định mức bồi thường thiệt hại do xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (Điều 205), tuy nhiên do tính chất đặc thù của loại tài sản “quyền sở hữu trí tuệ” nên nhiều trường hợp nguyên đơn không chứng minh được thiệt hại hoặc xác định không đầy đủ về những thiệt hại đã xảy ra trên thực tế (có thể nhiều hơn hoặc ít hơn thiệt hại thực tế xảy ra).

Chương 3

ĐỊNH HƯỚNG VÀ CÁC GIẢI PHÁP THỰC HIỆN PHÁP LUẬT NÂNG CAO HIỆU QUẢ ÁP DỤNG PHÁP LUẬT VỀ BẢO VỆ QUYỀN SỞ HỮU CÔNG NGHIỆP ĐỐI VỚI NHÃN HIỆU TẠI VIỆT NAM

3.1 Định hướng thực hiện pháp luật

Việc hoàn thiện pháp luật về bảo vệ quyền SHCN nói chung và quyền SHCN đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự nói riêng là một quá trình liên tục, có nhiều khó khăn, phức tạp, đòi hỏi sự quan tâm, nỗ lực của từng cơ quan, tổ chức, cá nhân trong việc soạn thảo, ban hành các văn bản pháp luật để điều chỉnh các quan hệ pháp luật liên quan đến bảo vệ quyền SHCN. Trong những năm gần đây, chúng ta đang tích cực triển khai xây dựng hệ thống pháp luật về SHTT, về cơ bản hệ thống pháp luật này đã được xây dựng trên nguyên tắc phù hợp với các chuẩn mực quốc tế và SHTT và đáp ứng được yêu cầu phát triển kinh tế của đất nước trong điều kiện hội nhập sâu, rộng vào nền kinh tế quốc tế.

3.2 Giải pháp hoàn thiện pháp luật:

3.2.1 Giải pháp hoàn thiện pháp luật về các quy định về giám định trong sở hữu công nghiệp

- Xác định phạm vi bảo hộ của đối tượng quyền sở hữu trí tuệ;
- Xác định đối tượng được xem xét có đáp ứng các điều kiện để bị coi là yếu tố xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hay không;
- Xác định có hay không sự trùng, tương đương, tương tự, gây nhầm lẫn, khó phân biệt hoặc sao chép giữa đối tượng được xem xét với đối tượng được bảo hộ;
- Xác định giá trị quyền sở hữu trí tuệ, xác định giá trị thiệt hại.

Giám định sở hữu trí tuệ gồm những lĩnh vực sau đây:

- Giám định về quyền tác giả và quyền liên quan;
- Giám định về quyền sở hữu công nghiệp;
- Giám định về quyền đối với giống cây trồng.

3.2.2 Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quy định về bồi thường thiệt hại

Mục tiêu của chủ sở hữu đối tượng quyền SHTT khác cũng như chủ sở hữu nhãn hiệu khi yêu cầu Tòa án bảo vệ quyền SHCN của mình bằng biện pháp dân sự là được bồi thường thỏa đáng và kịp thời. Do đó, nếu phán quyết của Tòa án về mức bồi thường không hợp lý, lợi ích của chủ sở hữu không được bảo vệ đúng mức thì hiệu quả của biện pháp dân sự không đạt được.

Thêm vào đó, đối với việc xác định bồi thường cho “chi phí hợp lý” theo quy định của Luật SHTT thì cần phải lưu ý vì đây là chi phí phát sinh từ thiệt hại ngoài hợp đồng vì thế Tòa án khi giải quyết vụ việc sẽ là cơ quan được quy định có thẩm quyền xem xét mức chi phí hợp lý dựa trên chứng cứ do bên có yêu cầu đưa ra và phải cho bên kia có quyền được nêu lên ý kiến về yêu cầu đó.

Hiện nay, các Tòa án rất lúng túng trong việc giải quyết vấn đề bồi thường thiệt hại cho nguyên đơn; trong hầu hết các vụ việc, việc xác định mức bồi thường cho nguyên đơn là không thỏa đáng, bởi vậy không bảo vệ được lợi ích chính đáng của họ. Vấn đề này cần được xác định rõ trong Luật sở hữu trí tuệ hoặc hướng dẫn xét xử của Tòa án nhân dân tối cao.

3.2.3 Giải pháp hoàn thiện pháp luật về các quy định về áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời

Việc áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời có ý nghĩa quan trọng đối với quá trình thực thi quyền SHTT, đặc biệt đối với việc ngăn chặn sự xâm nhập của hàng hóa vi phạm vào các kênh thương mại và bảo vệ chứng cứ liên quan đến hành vi vi phạm.

Để bảo vệ lợi ích hợp pháp cho bên bị áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời, Hiệp định TRIPS quy định việc thực hiện biện pháp khẩn cấp tạm thời chỉ được thực hiện trong thời gian nhất định và theo yêu cầu của bị đơn lệnh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời được xem xét lại, trong đó có cả việc nghe bị đơn trình bày ý kiến để đi đến quyết định sửa đổi, hủy bỏ hoặc giữ nguyên biện pháp đó.

3.2.4 Giải pháp hoàn thiện pháp luật về quy định về thời hạn trong tố tụng dân sự

Theo quy định hiện hành thì thủ tục tố tụng dân sự đối với vụ án xâm phạm quyền SHCN được tiến hành theo trình tự chung là khá phức tạp, kéo dài thời gian. Thông thường một vụ kiện dân sự từ khi nộp đơn khởi kiện đến khi được đưa ra xét xử phải mất 4 đến 6 tháng, có trường hợp phải kéo dài do quá nhiều cấp xét xử, do đó đối với các vụ án về SHCN cần có hướng dẫn hợp lý các trường hợp như tạm hoãn, tạm đình chỉ... để tránh kéo dài thời gian giải quyết của Tòa án. Nên quy định thời gian tối đa để giải quyết vụ kiện dân sự nói chung và SHTT nói riêng, khoảng thời gian này nên được rút ngắn lại so với khoảng thời gian được quy định như hiện tại.

3.3 Giải pháp nhằm hoàn thiện công tác thực thi pháp luật

3.3.1 Tăng cường năng lực của cơ quan Tòa án trong giải quyết vụ án dân sự liên quan đến nhãn hiệu, kiện toàn tổ chức của Tòa án

Tòa án nhân dân có chức năng giải quyết các vụ kiện dân sự về SHTT theo trình tự tố tụng dân sự, trong đó Tòa án có quyền đưa ra các lệnh áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời để bảo đảm thi hành các nghĩa vụ dân sự hoặc các lệnh điều tra về hành vi xâm phạm và ra các quyết định về các biện pháp xử lý.

Tại các nước phát triển, trong hệ thống Tòa án xét xử thường có sự tham gia của các chuyên gia đầu ngành trong lĩnh vực SHTT, những giáo sư, các giảng viên đại học nổi tiếng... những người am hiểu và có thời gian hoạt động cũng như có những nghiên cứu đóng góp cho sự phát triển của pháp luật SHTT, chính vì vậy những phán quyết của Tòa án thường có độ tin cậy và chính xác cao.

Ngoài ra, SHCN nói chung và SHCN đối với nhãn hiệu nói riêng là một lĩnh vực chuyên môn sâu, phức tạp; vì vậy, việc giải quyết các tranh chấp về SHTT cần có Tòa án chuyên trách thực hiện nhiệm vụ này. Nhằm tạo ra sự bình đẳng trong các quan hệ pháp luật thì việc giải quyết hiệu quả, công bằng, “thấu tình, đạt lý” các tranh chấp là điều không thể thiếu, nhiều nước trên thế giới đã có hệ thống Tòa án SHTT như Mỹ, Nhật, Thái Lan... do tính đặc thù của biện pháp dân sự và sự cần thiết phải tăng cường bảo vệ quyền SHCN bằng biện pháp dân sự nên đây là cơ sở để hình thành hệ thống Tòa án chuyên biệt về SHTT.

3.3.2 Tăng cường sự phối hợp giữa cơ quan thực thi pháp luật với nhau và với chủ sở hữu quyền đối với nhãn hiệu (các nhà sản xuất, kinh doanh)

Để bảo vệ lợi ích của người tiêu dùng, bảo vệ lợi ích của các cơ sở sản xuất, kinh doanh hợp pháp, tạo môi trường kinh doanh bình đẳng, lành mạnh góp phần thu hút đầu tư, tăng cường đấu tranh chống những hành vi xâm phạm nhãn hiệu thì vấn đề quan trọng, lâu dài và có ý nghĩa tích cực nhất là tăng cường phối hợp giữa cơ quan thực thi pháp luật với chủ thể quyền.

Sự phối hợp giữa Bộ, ngành và doanh nghiệp trong thực thi bảo hộ quyền SHTT có vai trò quan trọng; Liên bộ Văn hóa - Thông tin, Khoa học - Công nghệ, Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Tài chính - Thương mại, Công an nên có sự phối hợp và thống nhất kế hoạch hành động trong việc bảo vệ quyền SHTT.

3.3.3 Tăng cường các hoạt động thông tin về sở hữu trí tuệ, củng cố và nâng cao nhận thức xã hội về sở hữu trí tuệ nói chung và nhãn hiệu nói riêng

Tăng cường giáo dục về Sở hữu trí tuệ tại trường học

Tăng cường việc giảng dạy về SHTT tại các trường học, các cơ sở

giáo dục bằng việc đưa SHTT vào chương trình học cho các học sinh từ bậc tiểu học, với thiết kế chương trình phù hợp với lứa tuổi thông qua những tiết học thú vị, giúp truyền đạt cho trẻ tầm quan trọng của SHTT đối với cuộc sống, với sự phát triển của đất nước, của xã hội; chúng ta cần phải hình thành tư duy, thói quen về việc bảo vệ quyền SHTT ngay từ cấp tiểu học.

Ngoài ra để có thể đạt được những hiệu quả ngắn hạn trong công tác bảo vệ quyền SHTT nói chung và nhãn hiệu nói riêng thì đối tượng mà chúng ta nên hướng đến đó chính là sinh viên, tầng lớp tri thức được tiếp cận với nguồn kiến thức sâu, rộng bên ngoài thế giới và phần nào hiểu rõ được tầm quan trọng của SHTT đối với sự phát triển bền vững của đất nước.

Tuyên truyền trên các phương tiện thông tin đại chúng

Việc nâng cao nhận thức xã hội đối với quyền SHTT, quyền sở hữu công nghiệp nói chung và nhãn hiệu nói riêng là một trong những giải pháp thiết thực góp phần nâng cao hiệu quả thực thi đối với nhãn hiệu, điều này được thực hiện bằng việc đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến kiến thức và pháp luật cho xã hội.

Từ những kết quả đạt được, cũng như để nối tiếp sự thành công của “Chấp cánh thương hiệu” đã có thêm một vài các chương trình khác được thực hiện tại các kênh truyền hình của một số tỉnh, thành phố như chương trình “Sở hữu trí tuệ và cuộc sống”.

Các doanh nghiệp sản xuất và kinh doanh thông qua chương trình đã dần nhận thức rõ hơn tác dụng của việc đăng ký bảo hộ tài sản trí tuệ của mình, nhận thức được quyền lợi và nghĩa vụ tôn trọng quyền SHTT của các doanh nghiệp khác. Đây cũng chính là diễn đàn cho các doanh nghiệp tạo dựng, quảng bá và phát triển thương hiệu một cách độc đáo, dễ tiếp cận với khán giả xem truyền hình, qua đó bảo vệ và định vị thương hiệu trong tâm trí người tiêu dùng một cách bền vững, đáp ứng được lợi ích lâu dài của doanh nghiệp và chống xâm phạm quyền SHTT đặc biệt là nhãn hiệu.

Tổ chức các lớp tập huấn

Cùng với sự phát triển của nền kinh tế thị trường, tình hình xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ đang diễn ra ngày càng phức tạp về tính chất, mức độ xâm phạm; trước thực tế đó, việc bồi dưỡng kiến thức, kỹ năng và tăng cường năng lực thực thi quyền SHTT là hết sức cần thiết, mang tính chất quyết định đối với việc ổn định trật tự thị trường, bảo vệ quyền lợi hợp pháp của các cá nhân và doanh nghiệp khi tham gia vào quan hệ pháp luật sở hữu trí tuệ, góp phần nâng cao niềm tin của cộng đồng đối

với các cơ quan quản lý nhà nước tại địa phương.

Tại các lớp tập huấn, nên xoay quanh các vấn đề xác định hành vi, thẩm quyền xử lý, các biện pháp xử lý và thủ tục xử lý hành vi xâm phạm quyền SHCN đặc biệt là đối với nhãn hiệu; đồng thời tại các lớp tập huấn này các học viên nên quan tâm lắng nghe và tiến hành trao đổi những khó khăn, vướng mắc của đơn vị hoặc doanh nghiệp đối với những vấn đề phức tạp chưa hiểu rõ... Qua các lớp tập huấn sẽ giúp các học viên nâng cao được nhận thức, tiếp cận với các quy định cụ thể của pháp luật SHTT, các thủ tục cần thiết để đăng ký bảo hộ nhãn hiệu và các thủ tục yêu cầu xử lý xâm phạm quyền sở hữu công nghiệp nói chung và nhãn hiệu nói riêng, từ đó giúp doanh nghiệp có ý thức chấp hành nghiêm túc các quy định của pháp luật về SHTT.

Một số kiến nghị:

Tiếp tục hoàn thiện pháp luật về tố tụng đối với việc giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, nhằm tạo ra cơ chế giải quyết thuận lợi, nhanh chóng và bảo đảm các quyền, lợi ích hợp pháp của các chủ thể quyền sở hữu trí tuệ. Cần nâng cao vai trò của việc giải quyết các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ bằng biện pháp dân sự, vì quyền sở hữu trí tuệ là chế định pháp luật dân sự, thuộc quan hệ pháp luật dân sự. Việc áp dụng quá nhiều các biện pháp hành chính hoặc hình sự hóa đối với các hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ như hiện nay là chưa thực sự hợp lý. Bên cạnh đó, việc hoàn thiện pháp luật nội dung về sở hữu trí tuệ cũng cần được chú trọng, bảo đảm tính minh bạch, rõ ràng, tránh tình trạng nhận định thiếu thống nhất (ngay cả giữa các cơ quan chức năng về sở hữu trí tuệ) như hiện nay, gây khó khăn cho việc giải quyết các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ tại Tòa án như hiện nay.

- Không ngừng nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ cho cán bộ, Thẩm phán theo hướng chuyên sâu về sở hữu trí tuệ. Hiện nay, đa số cán bộ, Thẩm phán của các Tòa án còn thiếu kiến thức chuyên sâu về sở hữu trí tuệ, rất ít cán bộ, Thẩm phán được đào tạo về sở hữu trí tuệ. Do vậy, cần chú trọng xây dựng các mục tiêu và chương trình đào tạo có hệ thống để đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ chuyên sâu về sở hữu trí tuệ cho đội ngũ cán bộ, Thẩm phán ở các Tòa án hiện nay, tiến tới mô hình có các Thẩm phán chuyên xét xử về các tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ. Cần chú trọng công tác bồi dưỡng theo chuyên đề kết hợp với việc tổ chức nhiều cuộc hội thảo trong nước và quốc tế về sở hữu trí tuệ và triển khai các công tác này một cách rộng khắp để cho đông đảo các cán bộ Thẩm phán có thể tiếp cận được. Tòa án nhân dân tối cao cũng cần

thường xuyên thực hiện việc tổng kết công tác thực tiễn công tác xét xử xử các vụ án tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ, trên cơ sở đó tổ chức rút kinh nghiệm về nghiệp vụ giải quyết tranh chấp về quyền sở hữu trí tuệ để phổ biến cho Tòa án nhân dân các cấp.

KẾT LUẬN

Qua nghiên cứu đề tài “**Bảo vệ quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự**” có thể rút ra được những kết luận sau:

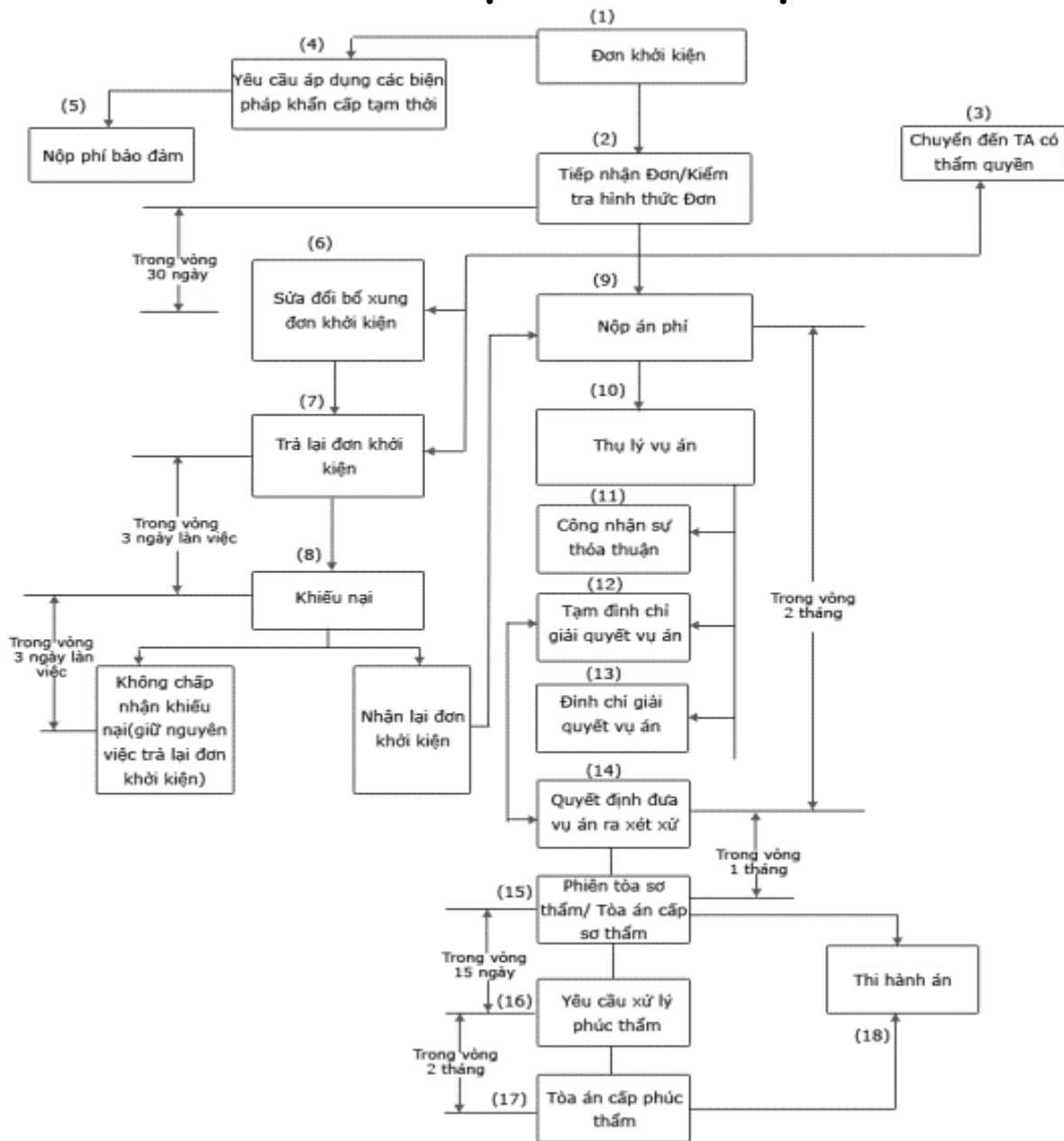
Thứ nhất, có một số quy định về nhãn hiệu và xử lý hành vi xâm phạm quyền sở hữu nhãn hiệu chưa được rõ ràng, chưa có sự thống nhất với pháp luật quốc gia cũng như những điều ước quốc tế hay của một số nước trên thế giới; cần có những hướng dẫn và giải thích thêm để bảo đảm quy định pháp luật không bị hiểu sai và áp dụng sai.

Thứ hai, vì vấn đề xử lý các vi phạm về SHTT cũng như nhãn hiệu còn là một vấn đề tương đối mới mẻ, nên lực lượng thực thi pháp luật, đặc biệt là cơ quan xét xử với những thẩm phán chưa có kinh nghiệm cũng như chuyên môn trong giải quyết các vụ việc về nhãn hiệu. Cần phải chú trọng vào việc nâng cao năng lực cho đội ngũ xét xử.

Thứ ba, nhận thức của người dân nói chung và chủ sở hữu nhãn hiệu nói riêng chưa cao và chưa có hiểu biết sâu về SHTT nói chung và quyền SHCN đối với nhãn hiệu nói riêng. Cần phải nâng cao nhận thức cho toàn thể người dân và các doanh nghiệp để công tác thực thi pháp luật về SHTT thật sự mang lại hiệu quả, để có được sự phát triển bền vững.

Trong khuôn khổ đề tài, người viết đã cố gắng làm nổi bật những phân tích về mặt pháp lý và tìm hiểu thực trạng của vấn đề trong phạm vi Đà Nẵng nói riêng và cả nước nói chung. Từ cơ sở đó đã đưa ra những kiến nghị và đề xuất nhằm hoàn thiện pháp luật và nâng cao hiệu quả trong quá trình quản lý và áp dụng các quy định về nhãn hiệu và xử lý vi phạm về nhãn hiệu bằng biện pháp dân sự. Trong quá trình nghiên cứu đề tài này, người viết được sự hướng dẫn tận tình của cô giáo hướng dẫn đã góp phần rất lớn vào sự hoàn thiện của đề tài. Tuy nhiên do năng lực còn hạn chế, khả năng tiếp cận thực tiễn chưa sâu nên đề tài không tránh khỏi những thiếu sót; do vậy người viết mong nhận được sự đóng góp để đề tài này được hoàn thiện hơn.

SƠ ĐỒ XỬ LÝ XÂM PHẠM QUYỀN SỞ HỮU TRÍ TUỆ BẰNG BIỆN PHÁP DÂN SỰ



Nguồn: <http://thanhtra.most.gov.vn>

Chú thích:

(1) Chủ thể quyền, đại diện chủ thể quyền (Điều 198 Luật SHTT, Điều 21, Điều 22 Nghị định số 105/2006/NĐ-CP).

(2) Kiểm tra: (i) chứng cứ chứng minh là chủ thể quyền của người nộp đơn, (ii) thông tin về hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ hoặc để phát hiện hàng hoá xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ (Điều 23, Điều 24, Điều 25 Nghị định 105/2005/NĐ-CP).

(3) Khoản 2 Điều 167 Bộ Luật tố tụng dân sự

(4) Chủ thể quyền có quyền yêu cầu Toà án áp dụng các biện pháp khẩn cấp tạm thời khi: (a) đang có nguy cơ xảy ra thiệt hại không thể khắc phục được cho chủ thể quyền sở hữu trí tuệ; (b) Hàng hoá bị nghi ngờ xâm phạm

quyền sở hữu trí tuệ hoặc chứng cứ liên quan đến hành vi xâm phạm quyền sở hữu trí tuệ có nguy cơ bị tẩu tán hoặc bị tiêu huỷ nếu không được bảo vệ kịp thời (Điều 206 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005).

(5) Khoản tiền bằng 20% giá trị hàng hoá cần áp dụng biện pháp khẩn cấp tạm thời hoặc tối thiểu hai mươi triệu đồng nếu không thể xác định được giá trị hàng hoá đó hoặc Chứng từ bảo lãnh của ngân hàng hoặc của tổ chức tín dụng khác (Điều 208 Luật Sở hữu trí tuệ năm 2005)

(6) Trong trường hợp đơn yêu cầu xử lý xâm phạm chưa đủ tài liệu, chứng cứ, hiện vật cần thiết, thì cơ quan xử lý xâm phạm yêu cầu người nộp đơn bổ sung tài liệu, chứng cứ u cầu xử lý xâm phạm bổ sung tài liệu, chứng cứ cần thiết (khoản 3 Điều 27 Nghị định 105/2006/NĐ-CP).

(7) Nếu không đáp ứng được các yêu cầu tại điểm (2), điểm (3), (khoản 4 Điều 27 Nghị định 105/2006/NĐ-CP, khoản 1 Điều 168 Bộ Luật tố tụng dân sự).

(8) Khiếu nại với Chánh án Tòa án đã trả lại đơn khởi kiện (Điều 170 Bộ Luật tố tụng dân sự)

(9) Tòa án sẽ dự tính tạm ứng án phí (khoản 1, khoản 2 Điều 171 Bộ Luật tố tụng dân sự), Điều 7, Điều 9 Nghị định 70/CP ngày 12/6/1997 Tòa án thụ lý vụ án khi người khởi kiện nộp cho Tòa án biên lai nộp tiền tạm ứng án phí (khoản 1, khoản 2 Điều 171 Bộ Luật tố tụng dân sự).

(10) (11) Được thực hiện trong trong thời hạn chuẩn bị xét xử (khoản 2 Điều 179 Bộ Luật tố tụng dân sự).

(12),

(13)

(14) Trong thời hạn một tháng kể từ ngày quyết định đưa vụ án ra xét xử (mục 13), Tòa án phải mở phiên toà (xét xử sơ thẩm); trong trường hợp có lý do chính đáng thì thời hạn này là hai tháng (khoản 3 Điều 179 Bộ Luật tố tụng dân sự).

(15) Trong vòng 15 ngày (kể từ ngày từ ngày tuyên án của Tòa án cấp sơ thẩm), người yêu cầu gồm:

(i) Đương sự (chủ thể quyền, người bị khởi kiện), người đại diện của đương sự có quyền làm đơn kháng cáo bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm (Điều 243 Bộ Luật tố tụng dân sự).

(ii) Viện trưởng Viện kiểm sát cùng cấp và cấp trên trực tiếp kháng nghị bản án, quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm để yêu cầu Tòa án cấp trên trực tiếp giải quyết lại theo thủ tục phúc thẩm (Điều 250 Bộ Luật tố tụng dân sự).

(16) Từ ngày thụ lý vụ án, Tòa án cấp phúc thẩm sẽ ra một trong các quyết định tại điểm (11), (12), (13) (Khoản 1 Điều 258 Bộ Luật tố tụng dân sự).

(17) Bản án, quyết định của Tòa án có hiệu lực (khoản 1 Điều 375 Bộ Luật tố tụng dân sự)

DANH MỤC TÀI LIỆU THAM KHẢO

1. Luật sở hữu trí tuệ 2005, sửa đổi, bổ sung năm 2009.
2. Bộ luật dân sự 2015.
3. Bộ luật Tố tụng dân sự 2015.
4. Đạo luật Lanham.
5. Hiệp định TRIPs.
6. Cam kết WTO.
7. Hiệp định giữa Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam và Hợp chủng quốc Hoa Kỳ về thương mại và sở hữu trí tuệ (Hiệp định BTA) (2001).
8. Nghị định số 43/2017/NĐ-CP ngày 14 tháng 04 năm 2017 quy định về Nhãn hàng hóa.
9. Thoả ước Madrid và Nghị định thư Madrid.
10. Chỉ thị 89/104/EEC3 của Cộng đồng Châu Âu là chỉ thị đầu tiên quy định các vấn đề về nhãn hiệu ở cấp độ cộng đồng.
11. Theo Xây dựng khái niệm nhãn hiệu trong luật sở hữu trí tuệ, tác giả: Đào Thị Diễm Hạnh - Trường đào tạo, bồi dưỡng nghiệp vụ kiểm sát - Viện kiểm sát nhân dân tối cao.
12. Trường Đại học Luật Hà Nội, Giáo trình Pháp luật Quốc tế về SHTT, NXB Chính trị - Hành chính, trg.144.
13. Mai Thị Quỳnh (2011), Xác lập quyền sở hữu công nghiệp đối với nhãn hiệu theo pháp luật sở hữu trí tuệ Việt Nam, khoá luận tốt nghiệp, Trường Đại học Luật Hà Nội, Hà Nội.
14. Nghị định 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp có hiệu lực 15/10/2013.
15. Thông tư số 11/2015/TT-BKHCN ngày 26/6/2015, quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của nghị định số 99/2013/NĐ-CP ngày 29/8/2013 của Chính phủ quy định xử phạt vi phạm hành chính trong lĩnh vực sở hữu công nghiệp.
16. Công ước Paris về bảo hộ sở hữu công nghiệp được ký kết ngày 20/3/1883 tại Paris, được xem xét lại tại Brussels năm 1900, tại Washington năm 1911, tại La Hay năm 1925, tại Luân Đôn năm 1934, tại Lisbon năm 1958, tại Stockholm năm 1967 và được sửa đổi vào năm 1979.
17. Quyết định tạm đình chỉ giải quyết vụ án dân sự số 08/2010/QĐST-DS ngày 18-3-2010 của Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội đối với vụ án dân sự thụ lý số 59/2009/TLST-DS ngày 02-10-2009

về tranh chấp quyền tác giả giữa nguyên đơn là ông Nguyễn Văn Khoan, trú tại Số 2 ngõ 219/18 tổ 25 đường Nguyễn Ngọc Vũ, phường Trung Hòa, quận Cầu Giấy, thành phố Hà Nội với bị đơn là Hãng phim Hội nhà văn Việt Nam.

18. <http://thanhtra.most.gov.vn>

19. Th.S Vũ Thị Hải Yến, Khái niệm nhãn hiệu hàng hóa trong SHTT, Tạp chí Luật học số 3, năm 2003

20. Nguyễn Thị Quế Anh, Một vài suy nghĩ về khái niệm hàng giả trong bối cảnh cuộc chiến chống hàng giả và bảo vệ quyền SHTT tại Việt Nam, Tạp chí Khoa học ĐHQGHN, Luật học, tập 30, số 1 (2014).

21. Dũng Hà (2008), Đề xuất mô hình Tòa Sở hữu trí tuệ cho Việt Nam, <http://www.dddn.com.vn>, ngày 4/6/2008.

22. Nghị định số 105/2006/NĐ-CP ngày 22/9/2016 hướng dẫn Luật Sở hữu trí tuệ về bảo vệ quyền sở hữu trí tuệ và quản lý nhà nước về sở hữu trí tuệ.

23. Nguyễn Hồ Bích Hằng, Nguyễn Xuân Quang, Buôn bán trực tuyến hàng hóa vi phạm nhãn hiệu hàng hóa tại Việt Nam, thực trạng và hướng hoàn thiện, Tạp Chí Khoa học pháp lý số 06 (79) 2013.

24. Chí Hiếu, Yêu cầu của TRIPS, BTA và vấn đề hoàn thiện quy định của BLHS về xử lý các hành vi xâm phạm quyền SHTT, Thông tin khoa học xét xử, 5/2007.

25. Trần Việt Hùng, Tài liệu Hội thảo Thực thi quyền SHTT, 30/10/2009.

26. Bùi Thị Dung Huyền, Thực thi quyền SHTT theo quy định của pháp luật WTO, Thông tin khoa học xét xử, 1/2006.

27. TS. Lê Đình Nghị và TS. Vũ Thị Hải Yến, Giáo trình Luật SHTT, Nhà xuất bản Giáo dục.

28. Từ điển Tiếng Việt, Nhà xuất bản Bách Khoa, 2007.

29. Kiều Thị Thanh, Hội nhập quốc tế về bảo hộ quyền sở hữu trí tuệ ở Việt Nam, sách chuyên khảo, Nhà xuất bản chính trị - hành chính, 2013

30. Nguyễn Ngọc Xuân Thảo, Luật SHTT - Án lệ, lý thuyết và bài tập vận dụng, Nxb. Đại học Quốc Gia TP. Hồ Chí Minh 2013.

31. Thành Vinh, Thực tiễn xét xử các vụ án hình sự về các tội xâm phạm quyền SHTT, Thông tin khoa học xét xử, Viện Khoa học xét xử 5/2007.

32. Bộ Công Thương, Báo cáo của Bộ Công Thương tại Lễ kỷ niệm "Ngày phòng chống hàng giả, hàng nhái 29/11 được tổ chức vào ngày 28/11/2014.

33. Bộ Khoa học và Công nghệ (2009), Báo cáo sơ kết 3 năm thực hiện Chương trình hành động 168: Phòng và chống xâm phạm SHTT.
34. Bộ Khoa học và Công nghệ, Báo cáo tổng kết 5 năm thực hiện chương trình hành động về hợp tác phòng và chống xâm phạm quyền SHTT giai đoạn 2006-2010 và chương trình phối hợp giai đoạn II (2012-2015).
35. Eurocham, Sách Trắng 2010 - Các vấn đề thương mại/đầu tư và kiến nghị.
36. Eurocham, Sách Trắng 2014 - Các vấn đề thương mại/đầu tư và kiến nghị.
37. Japan Patent Office. Asia-Pacific Industrial Property Center, JIII, Bảo hộ nhãn hiệu hàng hóa cảm nang dành cho doanh nhân.
38. Dự án Star – Vietnam, Các quy định về sở hữu trí tuệ trong Bộ luật hình sự của Việt Nam và mức độ tuân thủ với TRIPS và BTA, Tham luận tại Hội thảo ngày 18-19/01/2007 tại Quảng Ninh.
39. Tổ chức SHTT thế giới, Cẩm nang SHTT: Chính sách, pháp luật và áp dụng, Cục SHTT phát hành năm 2005, trang 230.
40. 46. Tổ chức SHTT thế giới, Những điều cần biết về SHTT, bản dịch của Phòng hợp tác quốc tế, Cục SHTT, trang 39.
41. Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ, Báo cáo của Thanh tra Bộ Khoa học và Công nghệ tại “Hội thảo SHTT, cạnh tranh và thực thi quyền SHTT: Kinh nghiệm của Việt Nam, Lào và Cam-pu-chia”, diễn ra ngày 4-5/6/2013 tại Hà Nội.
42. Tòa án nhân dân tối cao và Cơ quan phát triển quốc tế Australia (2010), Tài liệu Hội thảo về SHTT, tháng 9/2010.
43. 49. Tổng cục Hải quan (2009), Báo cáo tổng kết 10 năm (1999-2009) thực hiện Chỉ thị 31/1999/CT- TTg về đấu tranh chống sản xuất và buôn bán hàng giả và 01 năm (2008- 2009) thực hiện Chỉ thị 28/2008/CT- TTg về một số biện pháp cấp bách chống hàng giả, hàng kém chất lượng.
44. Trường Đại học Luật TP. Hồ Chí Minh, Giáo trình Luật SHTT, 2013, Nxb. Hồng Đức.
45. Các nguồn internet khác.